

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2020/DS-PT

Ngày 13-7 -2020

V/v tranh chấp lối đi qua bất
động sản liền kề

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- *T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:* Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về “ Tranh chấp lối đi qua bất động sản liền kề”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân T phố CL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 265/2020/QĐPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Quốc T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 90, đường BT, Tổ 20, Khóm 4, Phường 2, T phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Nguyễn Thị M, sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ 29, khóm MH, phường 3, T phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:*

1. Huỳnh Thị Bích V, sinh năm 1964;

2. Lê Thiết T, sinh năm 1954;

Cùng địa chỉ: Số 89/1, đường BT, tổ 20, khóm 4, phường 2, T phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Cư trú: số 1194 (Nhà trọ Đại Cát), tổ 4, khóm 1, phường 11, T phố CL, tỉnh Đồng Tháp .

Người đại diện hợp pháp của bà V, ông T là: Chị Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 216, ấp Tân Tịch, xã Tịnh Thới, T phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Văn M, sinh năm 1985.
2. Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1982;
3. Lâm Thị Anh T, sinh năm 1990.
4. Lê Ngọc D, sinh ngày 10/8/2011;
5. Trần Minh Q, sinh ngày 28/01/2013.

Cùng địa chỉ: Số 89/1, đường BT, Tổ 20, Khóm 4, Phường 2, T phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Cùng địa chỉ: số 1194 (Nhà trọ Đại Cát), Tổ 4, Khóm 1, Phường 11, T phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của cháu D là: Anh Lê Văn M, sinh năm 1980;

Người đại diện hợp pháp anh M, cháu Q: Chị Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 89/1, đường BT, Tổ 20, Khóm 4, Phường 2, T phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Cư trú: Số 216, ấp Tân Tịch, xã Tịnh Thới, T phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

6. Nguyễn Văn P, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 89/1, đường BT, Khóm 4, Phường 2, T phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

7. Ủy ban nhân dân T phố CL.

Địa chỉ: Số 03, Đường 30/4, Phường 1, T phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

8. Ủy ban nhân dân Phường 2, T phố CL.

Địa chỉ: Số 72, đường HV, Phường 2, T phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

* *Người kháng cáo:* ông Lê Thiết T, bà Huỳnh Thị Bích V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn Trần Quốc T; người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị M trình bày:

Ông Trần Quốc T có xây 02 căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 306 và 307, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại số 89/2 và 89/3, đường BT, Khóm 4, Phường 2, T phố CL. Đất ông T liền kề nhà, đất thuộc thửa đất số 305, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại số 89/1, đường BT, Khóm 4, Phường 2, T phố CL của hộ bà Huỳnh Thị Bích V, ông Lê Thiết T.

Nhà ông T phía trong nhà hộ bà V để ra đến đường BT. Nhiều năm nay, hộ bà V với hộ ông T sử dụng chung một con hẻm rộng khoảng 2,5m làm lối đi chung để đi ra đường BT.

Thời gian qua, hộ bà V, ông T tự ý xây dựng bậc thềm trước cửa nhà và dựng hàng rào lấn con hẻm, làm cho phần còn lại lối đi chung chỉ còn rộng 0,7m rất khó khăn cho việc đi lại.

Ông T nhiều lần đề nghị hộ bà V, ông T tháo dỡ bậc thềm trả lại hiện trạng sử dụng lối đi chung. Nhưng hộ bà V, ông T cho rằng phần đất này thuộc quyền sử dụng đất của họ nên không tháo dỡ.

Ngày 25/01/2018 và ngày 02/02/2018 Ủy ban nhân dân Phường 2 đã hòa giải kết quả không T.

Nay ông T kiện yêu cầu hộ bà V, ông T gồm: Bà Huỳnh Thị Bích V, ông Lê Thiết T, anh Lê Văn M, chị Lê Thị Ngọc D, chị Lâm Thị Anh T, cháu Lê Ngọc D và cháu Trần Minh Q phải tháo dỡ hàng rào, phá bỏ bậc thềm nằm trên phần đất lấn chiếm trong phạm vi từ mốc M1, M2, M5, M6, M7, M8, M9, M10 trở về mốc M1 có diện tích 4,7m² để trả lại lối đi chung. Không yêu cầu tháo dỡ phần sân nhà của hộ bà V, ông T.

Về kết quả đo đạc và định giá tài sản thống nhất đồng ý .

Hiện nay, hai căn nhà của ông T có cho người thuê nhà để ở. Căn nhà của hộ bà V, ông T cho ông Nguyễn Văn P thuê . Ông T không yêu cầu đưa những người thuê nhà vào tham gia tố tụng; đồng thời những người thuê nhà này không có ý kiến tranh chấp gì trong vụ án.

- Bị đơn bà Huỳnh Thị Bích V, ông Lê Thiết T và người đại diện hợp pháp chị Lê Thị Ngọc D trình bày:

Năm 1983 chồng bà V là ông Lê Thiết T làm công nhân của Sở xây dựng tỉnh Đồng Tháp vì không có nhà ở nên được chính quyền địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 3 là ông Nguyễn Tấn L xét cấp cho ông T 01 nền nhà có diện tích ngang 4m, dài 15m.

Năm 1984 do khó khăn nên bà V chỉ cất được ngôi nhà có diện tích ngang 4m, dài 12m còn lại chiều dài 3m làm hàng rào che chắn, với sự chứng kiến của 02 hộ lân cận là ông Đặng Minh T và bà Tô Thị Thanh T.

Đến năm 2007 bà V đến Ủy ban nhân dân Phường 2 để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được cấp diện tích là ngang 4m dài 12m. Bà V có

khiếu nại phần 3m còn lại không được cấp giấy thì được Ủy ban nhân dân Phường 2 trả lời miệng sẽ được bổ sung sau.

Năm 2012 bà V có xây mới lại căn nhà diện tích 48m² nhưng vẫn giữ hàng rào cũ.

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông T, bà V. Trước đây không là lối đi công cộng mà ông T có làm hàng rào giáp đường BT. Đến năm 1991 thì ông T mở hàng rào và lát dal để đi thẳng vô nhà và cho hộ giáp ranh là chủ đất cũ của ông T cùng đi trên lối đi này.

Nay bà V, ông T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà V, ông T yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích chưa được công nhận theo Văn bản chấp thuận giao đất và xin cấp đất đề ngày 30/7/1984 trong phạm vi các mốc từ M1, MA, MB, M6, M1 và M10, M9, M8, M7, M6, M10 theo sơ đồ đo đạc ngày 02/5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP phố CL.

Bà V, ông T thống nhất kết quả xem xét thẩm định tại chỗ theo sơ đồ đo đạc và kết quả định giá tài sản.

Hiện nay, hai căn nhà của ông T đang cho người khác thuê ở; bà V, ông T không yêu cầu vào tham gia tố tụng trong vụ án vì giữa họ không có ý kiến, tranh chấp gì. Căn nhà của hộ bà V, ông T có cho ông Nguyễn Văn P thuê để ở thì cũng không yêu cầu gì đối với ông P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Ngọc D, Lê Văn M, Lê Ngọc D và Trần Minh Q trình bày:

Chị D, anh M là con ruột của ông T, bà V. Cháu D là con ruột của anh M, cháu Q là con ruột của chị D. Cháu D và cháu Q là cháu của bà V, ông T. Chị D, anh M, cháu D và cháu Q thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của bà V và ông T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Thị Anh T trình bày:

Trước đây chị T là vợ anh M, là con dâu của ông T, bà V. Hiện nay chị T đã ly hôn với anh Minh theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 209/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân TP CL. Chị T không có công sức đóng góp gì trong căn nhà và hàng rào đang tranh chấp nên không liên quan và yêu cầu không tham gia tố tụng trong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn P trình bày:

Ông P chỉ là người thuê nhà ở. Đối với việc tranh chấp giữa ông T với hộ bà V, ông T thì ông P không có ý kiến và không có yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân TP CL đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 155, Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 165, Điều 166, Điều 184, Điều 185, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 173, Điều 175, Điều 176, Điều 248, Điều 254, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 29 Điều 3, Điều 166, Điều 170, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Quốc T về yêu cầu hộ bà Huỳnh Thị Bích V, ông Lê Thiết T gồm: Bà Huỳnh Thị Bích V, ông Lê Thiết T, anh Lê Văn M, chị Lê Thị Ngọc D, chị Lâm Thị Anh T, cháu Lê Ngọc D và cháu Trần Minh Q liên đới tháo dỡ hàng rào, phá bỏ bậc thềm nằm trên phần đất lấn chiếm trong phạm vi từ mốc M1, M2, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M1 có diện tích 4,7m² để trả lại lối đi chung.

Buộc hộ bà Huỳnh Thị Bích V, ông Lê Thiết T gồm: Bà Huỳnh Thị Bích V, ông Lê Thiết T, anh Lê Văn M, chị Lê Thị Ngọc D, chị Lâm Thị Anh T, cháu Lê Ngọc D, và cháu Trần Minh Q liên đới tháo dỡ hàng rào, phá bỏ bậc thềm nằm trên phần đất lấn chiếm trong phạm vi từ mốc M1, M2, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M1 có diện tích 4,7m² để trả lại lối đi chung.

- Ông Trần Quốc T không yêu cầu hộ bà Huỳnh Thị Bích V và ông Lê Thiết T tháo dỡ phần sê nô nhà của hộ bà Huỳnh Thị Bích V và ông Lê Thiết T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đình chỉ yêu cầu của bị đơn Huỳnh Thị Bích V và Lê Thiết T yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trong phạm vi các mốc M1, MA, MB, M6, M1 và M10, M9, M8, M7, M6, M10.

Theo Bản đồ đo đạc và sơ đồ mốc ngày 02/5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TPCL(kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân TP CL).

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là: 3.262.000 đồng do nguyên đơn Trần Quốc T nộp tạm ứng và đã chi xong. Buộc bà Huỳnh Thị Bích V, ông Lê Thiết T, chị Lê Thị Ngọc D, anh Lê Văn M, chị Lâm Thị Anh T, cháu Lê Ngọc D và cháu Trần Minh Q liên đới trả lại cho ông Trần Quốc T số tiền 3.262.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quốc T không phải chịu án phí. Trả lại ông Trần Quốc T tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04914 ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP CL.

Bà Huỳnh Thị Bích V, chị Lê Thị Ngọc D, anh Lê Văn M, chị Lâm Thị Anh T, cháu Lê Ngọc D và cháu Trần Minh Q phải liên đới chịu án phí 300.000 đồng. Số tiền này được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà V và

ông T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0005391 ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố CL. Như vậy, bà Huỳnh Thị Bích V, chị Lê Thị Ngọc D, anh Lê Văn M, chị Lâm Thị Anh T, cháu Lê Ngọc D và cháu Trần Minh Q đã nộp đủ tiền án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo luật định. Sau khi xét xử sơ thẩm bà V, ông T kháng cáo yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích trong các mốc từ M1, MA, MB, M6, M1 và M10, M9, M8, M7, M6, M10 theo sơ đồ đo đạc ngày 02/5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T phố CL.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Trần Quốc T về yêu cầu hộ của bà V, ông T liên đới tháo dỡ hàng rào, phá bỏ bậc thềm nằm trên phần đất trong phạm vi từ mốc M1, M2, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M1 có diện tích 4,7m² để trả lại lối đi chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt bà M và chị D. Các đương sự khẳng định đã xuất trình đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết vụ án.

Chị D trình bày: Ông T, bà V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Lý do theo Ủy ban nhân dân phường 2 xác nhận đường tranh chấp lối đi chung là không đúng. Hàng rào ông T, bà V đã xây hàng rào từ năm 1984 đến nay trên 30 năm. Ông T, bà V đã có chừa lối đi hợp lý.

Ý kiến bà M: Về đất hộ ông T, bà V chỉ được cấp quyền sử dụng đất chiều ngang 4m, chiều dài là 12m. Còn lại lối đi chung rộng khoảng 2,5m thì gia đình ông T, bà V xây bậc thềm, hàng rào làm lối đi hiện nay chỉ còn chiều ngang 0,7m là gây cản trở việc giao thông, sinh hoạt hằng ngày. Không có chứng cứ chứng minh đất lối đi tranh chấp ông T, bà V được cấp quyền sử dụng đất nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Về nội dung kháng cáo, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm .

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Không có đương sự khiếu nại gì về T phần những người tham gia tố tụng hay có yêu cầu gì khác.

[2] Về nội dung tranh chấp: Theo yêu cầu ông T kiện buộc hộ bà Huỳnh Thị Bích V gồm: Bà Huỳnh Thị Bích V, ông Lê Thiết T, anh Lê Văn M, chị Lê Thị Ngọc D, chị Lâm Thị Anh T, cháu Lê Ngọc D và cháu Trần Minh Q liên đới tháo dỡ hàng rào, phá bỏ bậc thềm nằm trên phần đất lấn chiếm trong phạm vi từ mốc M1, M2, M5, M6, M7, M8, M9, M10 trở về mốc M1 có diện tích 4,7m² để trả lại lối đi chung.

[3] Qua các chứng cứ thu thập được Tòa án cấp sơ thẩm xét: Đất tranh chấp giữa hộ ông T với hộ bà V, ông T là lối đi chung duy nhất để ra đường BT. Ông T cũng thừa nhận từ năm 1991, ông T cho hộ giáp ranh là chủ đất cũ của ông T đi ra vào trên lối đi này.

- Theo Công văn số 17/UBND-TN ngày 08/01/2019 và Công văn số 1005/UBND-TNMT ngày 17/7/2019 của Ủy ban nhân dân TP CL với Công văn số 289/UBND-HC ngày 23/11/2018 của Ủy ban nhân dân phường 2, TP CL đều xác định phần đất diện tích 3,6m² trong phạm vi các mốc M1, ME, MD, MC, M6, M7, M8, M9, M10 trở về mốc M1 và phần diện tích 4m² trong phạm vi các mốc M1, MA, MB, M6 trở về mốc M1 (có chứa phần đất ông T yêu cầu) thì phần diện tích đất này là đất lối đi chung (lối đi công cộng), hẻm dal do các hộ dân tự xây dựng và được Ủy ban nhân dân Phường 2 quản lý.

- Công văn số 289/UBND-HC ngày 23/11/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 2 cũng xác định phần đất bà V, ông T được cấp ít hơn so với đơn xin nền cất nhà ngày 30/7/1984 của ông T là do đo đạc thực tế. Việc bà V trình bày có khiếu nại với Ủy ban nhân dân Phường 2 về việc không cấp phần đất tranh chấp nhưng không có chứng cứ chứng minh việc này. Do đó chấp nhận yêu cầu của ông Trần Quốc T.

Đối với ông T không yêu cầu hộ bà Bích V, ông T tháo dỡ phần sê nô cất nhà nên không xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu của bị đơn bà V, ông T cho rằng tại văn bản “đơn xin nền cất nhà” ngày 30/7/1984 của ông Lê Thiết T được xét cấp cho ngang 4m x 15m nhưng năm 2007 chỉ được cấp quyền sử dụng đất 4m x 12m. Nay, bà V và ông T yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trong phạm vi các mốc M1, MA, MB, M6, M1 và M10, M9, M8, M7, M6, M10 xét thấy:

- Tại văn bản “đơn xin nền cất nhà” ngày 30/7/1984 của ông Lê Thiết T được Ủy ban nhân dân Phường 3 (nay là Ủy ban nhân dân Phường 2) xác nhận ngày 15/8/1984 xác nhận: *“Cho Lê Thiết T.....ngang 4m x dài 15m sau khi nhà nước quy hoạch phải chấp hành”*. Do đó, đến năm 2007, hộ bà V, ông T qua đo đạc thực tế được Ủy ban nhân dân TPCL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 4m x 12m. Bà V, ông T cho rằng có khiếu nại nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh.

- Công văn số 1005/UBND-TNMT ngày 17/7/2019 của Ủy ban nhân dân TP CL và Công văn số 289/UBND-HC ngày 23/11/2018 của Ủy ban nhân dân

Phường 2 đều xác định phần đất diện tích 3,6m² trong phạm vi các mốc M1, ME, MD, MC, M6, M7, M8, M9, M10, M1 và phần diện tích 4m² trong phạm vi các mốc M1, MA, MB, M6, M1. Phần diện tích đất này là thuộc đất lối đi chung (lối đi công cộng) nên không có cơ sở xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân.

Hơn nữa, diện tích đất này phía ông T không yêu cầu cấp quyền sử dụng đất và không tranh chấp với bị đơn về quyền sử dụng đất, đất thuộc lối đi chung mà bị đơn yêu cầu công nhận là không thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhưng do đã thụ lý nên đình chỉ yêu cầu của bị đơn.

[5] Sau khi xét xử sơ thẩm ông T, bà V không đồng ý nên kháng cáo. Xét kháng cáo của ông T, bà V theo nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm thì ông T, bà V không có căn cứ nào xác định đất được cấp quyền sử dụng đất cấp có chiều dài là 15m và lối đi chung thuộc quyền sử dụng đất của ông T, bà V được nhà nước công nhận nên việc xây dựng hàng rào lấn chiếm lối đi chung gây cản trở giao thông, sinh hoạt của hộ liền kề. Do đó việc ông T yêu cầu tháo dỡ vật kiến trúc, hàng rào là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận. Từ những nhận định trên, yêu cầu kháng cáo của ông T, bà V không được chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Tuy nhiên do để ngắn gọn; dễ hiểu trong việc thi hành án nên ghi lại cách tuyên án.

[7] Về án phí: Do giữ nguyên quyết định về nội dung tranh chấp của bản án sơ thẩm nên ông T, bà V phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên ông T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147, 161, khoản 1 điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo bà Huỳnh Thị Bích V, ông Lê Thiết T

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

1/ Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Quốc T về yêu cầu bà Huỳnh Thị Bích V, ông Lê Thiết T, anh Lê Văn M, chị Lê Thị Ngọc D, chị Lâm Thị Anh T, cháu Lê Ngọc D và cháu Trần Minh Q (gọi tắt hộ bà Huỳnh Thị Bích V, ông Lê Thiết T) liên đới tháo dỡ hàng rào, phá bỏ bậc thềm nằm trên phần đất lấn chiếm trong phạm vi từ mốc M1, M2, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M1 có diện tích 4,7m² để trả lại lối đi chung.

Buộc hộ bà Huỳnh Thị Bích V, ông Lê Thiết T phải có trách nhiệm liên đới tháo dỡ hàng rào, phá bỏ bậc thềm nằm trên phần đất lấn chiếm trong phạm vi từ mốc M1, M2, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M1 có diện tích 4,7m² để trả lại lối đi chung.

2/ Đình chỉ yêu cầu của bà Huỳnh Thị Bích V, ông Lê Thiết T yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trong phạm vi các mốc M1, MA, MB, M6, M1 và M10, M9, M8, M7, M6, M10.

Theo Bản đồ đo đạc và sơ đồ mốc ngày 02/5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP CL (kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân TP CL).

3/ Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng 3.262.000 đồng do ông Trần Quốc T nộp tạm ứng và đã chi xong. Buộc hộ bà Huỳnh Thị Bích V, ông Lê Thiết T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Trần Quốc T số tiền 3.262.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quốc T không phải chịu án phí. Ông T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 04914 ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP CL.

Bà Huỳnh Thị Bích V, chị Lê Thị Ngọc D, anh Lê Văn M, chị Lâm Thị Anh T, cháu Lê Ngọc D và cháu Trần Minh Q phải liên đới chịu án phí 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền bà V; ông T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005391 ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP CL; nên không phải nộp thêm.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Lê Thiết T được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

- Bà Huỳnh Thị Bích V phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008029 ngày 31/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP CL. Bà V không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7

7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nd tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án nd TP CL;
- Chi cục THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Chí Tâm